

Mục lục

Chương 1: Tổng quan về cảng Hải Phòng.....	2
1.1.....	Lịch
h sử hình thành và phát triển của cảng Hải Phòng.....	2
1.2.....	Vị
trí địa lý và khoảng cách đến một số Cảng trong khu vực.....	3
1.3.....	Lu
ông vào cảng.....	5
1.4.....	Các
dịch vụ kinh doanh chính của Cảng.....	6
1.5.....	Sơ
đồ cơ cấu tổ chức.....	7
1.6.....	Hệ
thống trang thiết bị.....	8
1.7.....	Mộ
t số khách hàng thường xuyên của cảng.....	10
Chương 2: Năng lực hoạt động của cảng.....	11
2.1 Tổng quan về năng lực cảng Hải Phòng.....	11
2.2 Khả năng khai thác của cầu tàu	13
2.2.1 Hệ thống cầu tàu.....	13
2.2.2 Định mức xếp dỡ hàng hóa.....	14
2.2.3 Khả năng tiếp nhận tàu.....	16
2.3 Khả năng và công suất của bến bãi.....	17
2.4 Hệ thống giao thông	20
2.5 Nguồn nhân sự	22
2.6 Thống kê và kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
2.6.1 Hoạt động kinh doanh đầu năm 2013.....	24
2.6.2 Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2012	25
2.7 Hướng phát triển trong tương lai.....	25
Chương 3: Kết luận và kiến nghị.....	31
3.1 Kết luận.....	31
3.2 Kiến nghị.....	32

Chương 1: Tổng quan về cảng Hải Phòng

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển cảng Hải Phòng

Trước Cách mạng tháng tám và trong kháng chiến chống Pháp, Cảng từng là đầu mối giao thông liên lạc, vận chuyển tài liệu và đưa đón các cán bộ lãnh đạo ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về lãnh đạo cách mạng.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cán bộ đảng viên và công nhân cảng là một trong những lực lượng chủ lực phá thế bao vây và phong tỏa cảng, đảm nhiệm bốc xếp và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu to lớn phục vụ cho chi viện cho miền Nam

Sau ngày giải phóng Hải Phòng (13/5/1955) Cảng Hải Phòng và nhân dân thành phố bước vào phát triển kinh tế sau chiến tranh. Được sự giúp đỡ của hàng hải Liên Xô từ

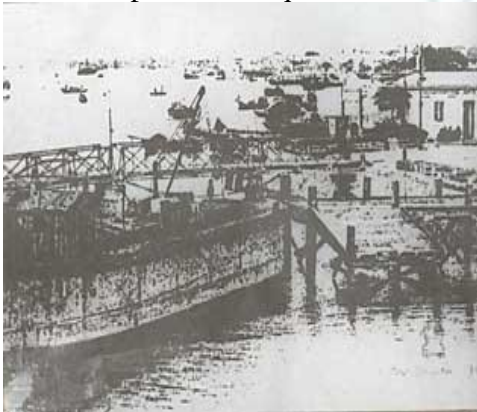
cuối những năm 60 hệ thống cầu cảng được xây dựng để đón những loại tàu 10.000 DWT được trang bị hệ thống cần trục có chân đế có sức nặng từ 5 đến 16 tấn, cầu nổi với sức nâng 90 tấn và hàng trăm xe vận tải các loại

Ngày 11/3/1993 bộ GTVT ra quyết định số 367/TCCB-LDD về việc thành lập Cảng Hải Phòng. Để phù hợp với nền kinh tế thị trường Cảng đã nỗ lực tự đổi mới mình, tổ chức theo hướng chuyên môn hóa. Thành lập các xí nghiệp xếp dỡ Container, xí nghiệp hàng rời, hàng bào, sắt thép...

Cảng đã chú trọng tập trung đầu tư vào các khu vực trọng yếu và tổ chức khai thác tận dụng thiết bị hiện có mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Cảng đã đầu tư 87 tỷ, trong đó có 2/3 được đầu tư vào khu vực làm hàng container mở rộng hệ thống kho bãi và thiết bị

Từ năm 1997 Cảng khẩn trương triển khai dự án nâng cấp và cải tạo cảng Hải Phòng theo quyết định điều chỉnh số 492/TTG ngày 31/7/1996 của thủ tướng chính phủ với tổng số vốn 40.000.000 USD bằng nguồn vốn ODA của Nhật Bản

Hiện nay với hệ thống cầu cảng dài khoảng 2600 m, tổng diện tích bãi để hàng là 400.000 hệ thống kho bãi đủ tiêu chuẩn đạt 38.000 và các trang thiết bị hiện đại được cảng đầu tư và phát triển qua các năm




Cảng những ngày đầu thành lập

Cảng hiện nay

1.2 Vị trí địa lý và khoảng cách đến một số cảng

Vị trí địa lý

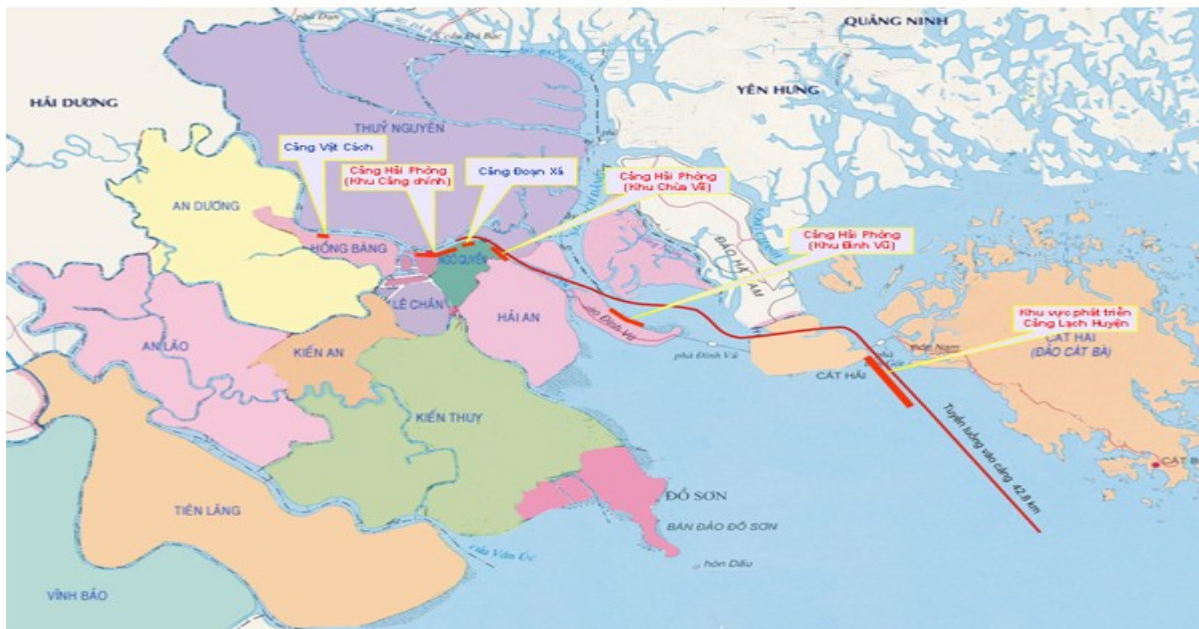
Cảng Hải Phòng là cảng có lưu lượng hàng hóa thông qua lớn nhất ở phía Bắc Việt Nam, có hệ thống thiết bị hiện đại và cơ sở hạ tầng đầy đủ, an toàn, phù hợp với phương thức vận tải, thương mại quốc tế.

	Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu	:20°52'N - 106°41'E
	Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ	:20°52'N - 106°43'E
	Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng	:20°50'25,7" N - 106°46'16,8E
	Bến nổi Bạch Đằng	:20°51'N - 106°45'E
	Vịnh Lan Hạ	:20°46'N - 107°16'E
	Vùng neo Hạ Long	:20°56'N - 107°03'E
	Trạm hoa tiêu	:20°40'N - 106°51'E
	Giới hạn chiều dài tàu	:200m

Khoảng cách từ Cảng Hải Phòng tới một số cảng biển

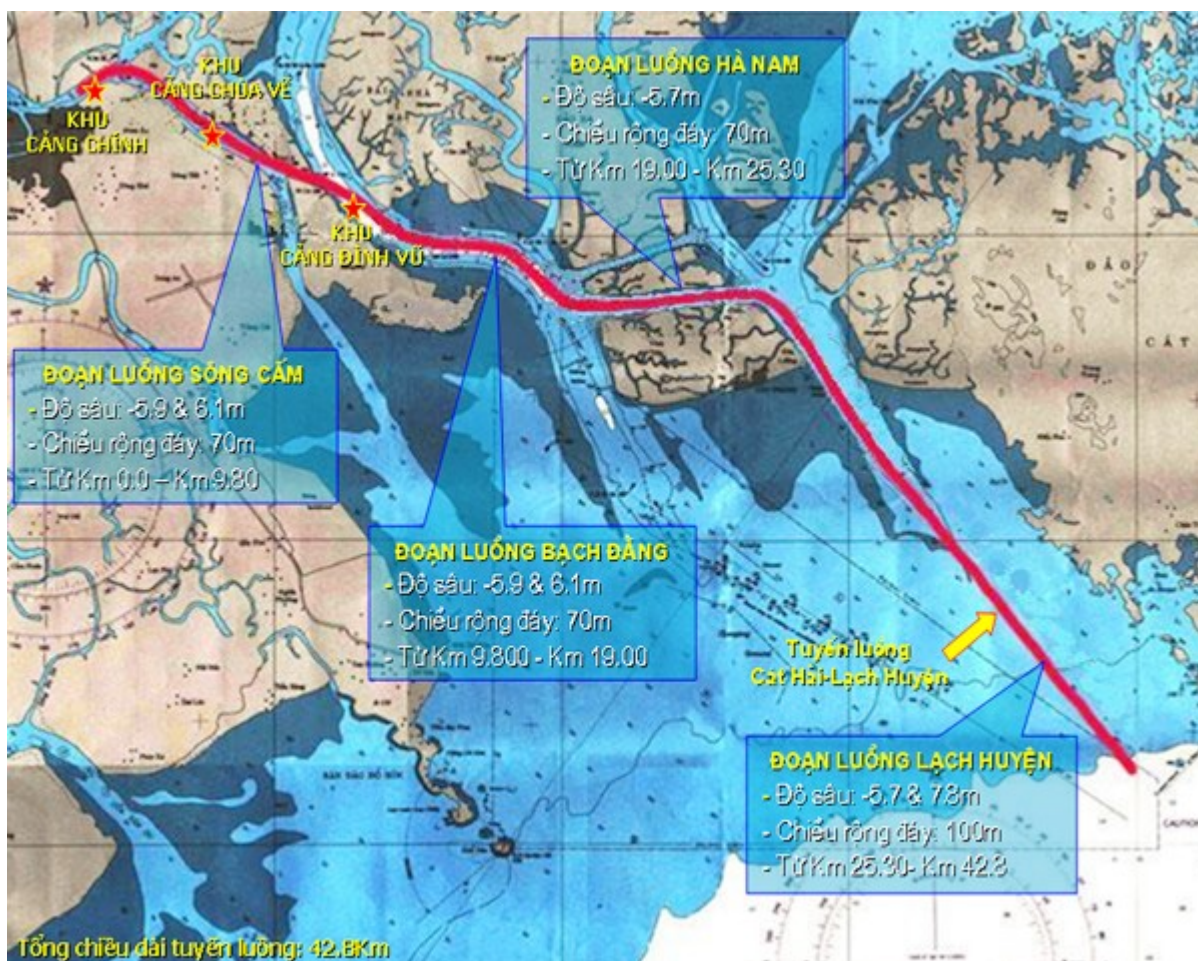
CẢNG	HẢI LÝ	CẢNG	HẢI LÝ
Đà Nẵng	320	Klang	1.528
Sài Gòn	799	Penang	1.730
Zhang Ziang	200	Busan	1.749
Hongkong	500	Vladivostok	2.114
Manila	885	Kobe	2.141
KaoShiung	940	Tokyo	2.349
Bangkok	1.390	Sydney	5.560
Singapore	1.442	Roxtecdam	9.770

Sơ đồ vị trí địa lý



1.3 Luồng vào cảng

Tên luồng	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Độ sâu (m)
Lạch Huyện	17.5	100	-7.8
Hà Nam	6.3	70	-5.7
Bạch Đằng	9.2	70	-6.1
Sông Cấm	9.8	70	-6.1
Tổng chiều dài tuyến luồng	42.8		



1.4 Các dịch vụ kinh doanh chính của cảng

- Bốc xếp, giao nhận, lưu giữ, bảo quản hàng hóa (Cargo handling, tallying and warehousing).
- Đóng gói hàng rời (Bulk packing).
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển (Tug assistances).
- Trung chuyển hàng hóa, container quốc tế.
- Dịch vụ vận tải, logistic.
- Dịch vụ logistic container chuyên tuyến Hải Phòng - Lào Cai bằng đường sắt ; Hải Phòng – Móng Cái bằng sà lan (Railway container transport services on Hai Phong – Mong Cai route; barge container transport services on Hai Phong – Mong Cai route)

- Dịch vụ đóng gói, vận tải hàng hải đường bộ, đường sông.
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải (Ship agent and maritime brokerage).



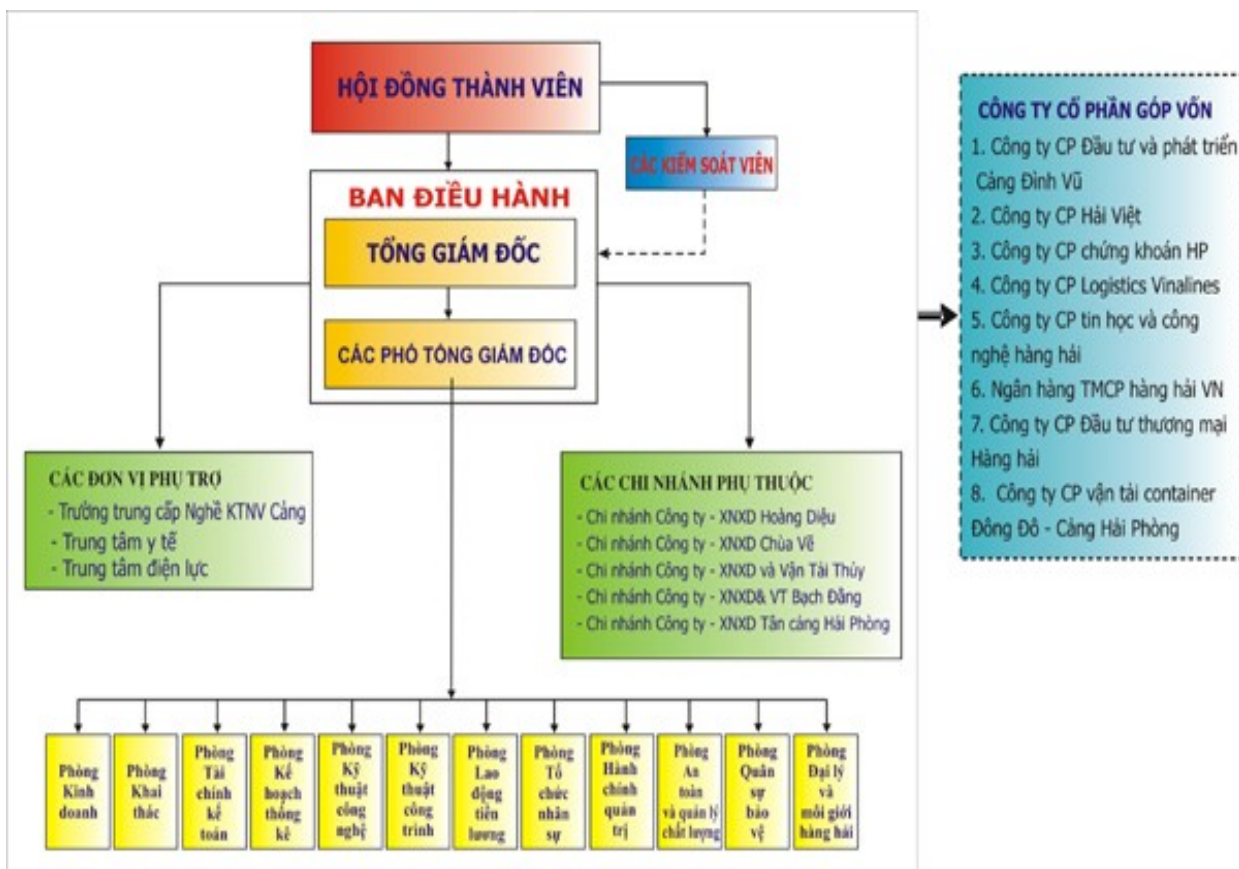
Xếp dỡ hàng hóa



Xếp dỡ lưu huỳnh

1.5

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Cảng



STT	Đơn vị/Chức vụ	Người liên hệ	Địa chỉ	Điện thoại	Số Fax
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN					
1	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Dương Thanh Bình	8A Trần Phú	031.3859906	031.3836943
BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY					
2	Tổng Giám đốc	Nguyễn Hùng Việt	8A Trần Phú	031.3859953	031.3827396
3	Phó Tổng giám đốc	Bùi Chiến Thắng	8A Trần Phú	031.3859940	031.3859940
4	Phó Tổng giám đốc	Cao Đức Văn	8A Trần Phú	031.3859805	031.3859805
5	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng ban QLDA ODA	Trương Văn Thái	8A Trần Phú	031.3859845	031.3551678
6	Phó Tổng giám đốc	Cao Trung Ngoan	8A Trần Phú	031.3859168	031.3859158
7	Phó Tổng giám đốc	Phùng Xuân Hà	8A Trần Phú	031.3552519	031.3827396
TỔ THƯ KÝ					
8	Thư ký Hội đồng thành viên	Nguyễn Vũ Hà	8A Trần Phú	031.3652192	031.3652192
9	Thư ký Tổng Giám đốc	Nguyễn Đình Thắng	8A Trần Phú	031.3859945	031.3859973
CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG					
10	Phòng Kinh doanh	Nguyễn Tường Anh	8A Trần Phú	031.3859942	031.3859942

11	Phòng Khai thác		8A Trần Phú	031.3859804 031.3551337
12	Phòng Tài chính Kế toán	Nguyễn Thị Nguyệt	8A Trần Phú	031.3859902 031.3551259
13	Phòng Kế hoạch Thống kê	Cao Hồng Phong	8A Trần Phú	031.3550835 031.3552300
14	Phòng Kỹ thuật Công nghệ		8A Trần Phú	031.3552519
15	Phòng Kỹ thuật Công trình	Phạm Hồng Minh	8A Trần Phú	031.3859454
16	Phòng Lao động Tiền lương	Nguyễn Thị Xuân	8A Trần Phú	031.3859962
17	Phòng Tổ chức Nhân sự	Vũ Thị Luận	8A Trần Phú	031.3859961
18	Văn Phòng Công ty	Hoàng Văn Cường	8A Trần Phú	031.3859967 031.3552049
19	Phòng An toàn và QLCL	Chu Minh Hoàng	8A Trần Phú	031.3826981
20	Phòng Quân sự bảo vệ	Nguyễn Đức Dũng	2 Hoàng Diệu	031.3859814
21	Phòng Đại lý môi giới hàng hải	Lê Xuân Quang	8A Trần Phú	031.3550254 031.3550354

CÁC XÍ NGHIỆP THÀNH PHẦN










22	Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu	Nguyễn Duy Vấn	3 Lê Thánh Tông	031.3841095 031.3747095
23	Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ	Vũ Nam Thắng	Trần Hưng Đạo	031.3827102 031.3629554
24	Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng	Nguyễn Văn Thành	Khu CN Đình Vũ	031.3262608 031.3262608
25	Xí nghiệp xếp dỡ & vận tải Bạch Đằng	Mạc Văn Luật	8 Lê Thánh Tông	031.3552288 031.3550889

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

26	Trung tâm Y tế	Nguyễn Thị Kim Liên	23 Lương Khánh Thiện	031.3921817
----	----------------	---------------------	----------------------	-------------

1.6 Hệ thống trang thiết bị

Ảnh	Phương tiện	Sức nâng/công suất	Toàn cảng	XNXD Hoàng Diệu	XNXD Chùa Vẽ	XNXD và Vận tải thủy	XNXD và VT Bạch Đằng	XNXD Tân Cảng
	Cần trục chân đế	5 -40 tấn	33	26	5			2
	Cần cầu nổi	10 - 85 tấn	2			2		
	Cần trục bánh lốp	25 - 70 tấn	10	6	3		1	
	Xe nâng hàng	3 - 45 tấn	62	36	22		4	

	Cần điện tử	80 tấn	4	3	1			
	Tàu hỗ trợ lai dắt	515 - 3200 CV	8			8		
	Cần cầu giàn (QC)	35,6 tấn	6		6			
	Cần cầu giàn bánh lốp (RTG)	35,6 tấn	12		12			
	Sà lan	750 - 1100 tấn	6			6		
	Xe ô tô vận tải	8,5 - 13,5 tấn	23	23				
	Xe đầu kéo	40 feet	58	20	36		2	
	Container 20'	20 feet	400		12		400	
	Container 40'	40 feet	4		12		4	

Một số thiết bị khác

- Hệ thống máy tính: 11 máy chủ, 400 máy trạm, thiết bị mạng Cisco, nối mạng xuyên suốt trong toàn cảng bằng hệ thống mạng cáp quang wireless 54 Mbps, cáp STP, UTP, cáp đồng. Các phần mềm đang áp dụng: hệ thống quản lý bến công-ten-nơ, hệ thống thông tin quản lý MIS, hệ thống camera, hệ thống quản lý và kiểm soát cổng bảo vệ, hệ thống quản lý văn bản nội bộ

- Hệ thống camera: 4 hệ thống lưu trữ và xử lý hình ảnh tại văn phòng Cảng, XNXD Hoàng Diệu, XNXD Chùa Vẽ, Phòng Quân sự bảo vệ, 22 máy camera loại quay quét lắp đặt trong phạm vi toàn cảng.

- Hệ thống phần mềm:

- + Hệ thống quản lý bến container Chùa Vẽ (CTMS)
- + Hệ thống thông tin quản lý (MIS-G1)
- + Hệ thống quản lý tài chính kế toán (MIS-G2)
- + Hệ thống quản lý nhân sự - tiền lương (MIS-G3)
- + Hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử EDI
- + Hệ thống cấp phép, kiểm soát người và phương tiện ra vào cảng
- + Hệ thống quản lý văn thư và điều hành qua mạng.

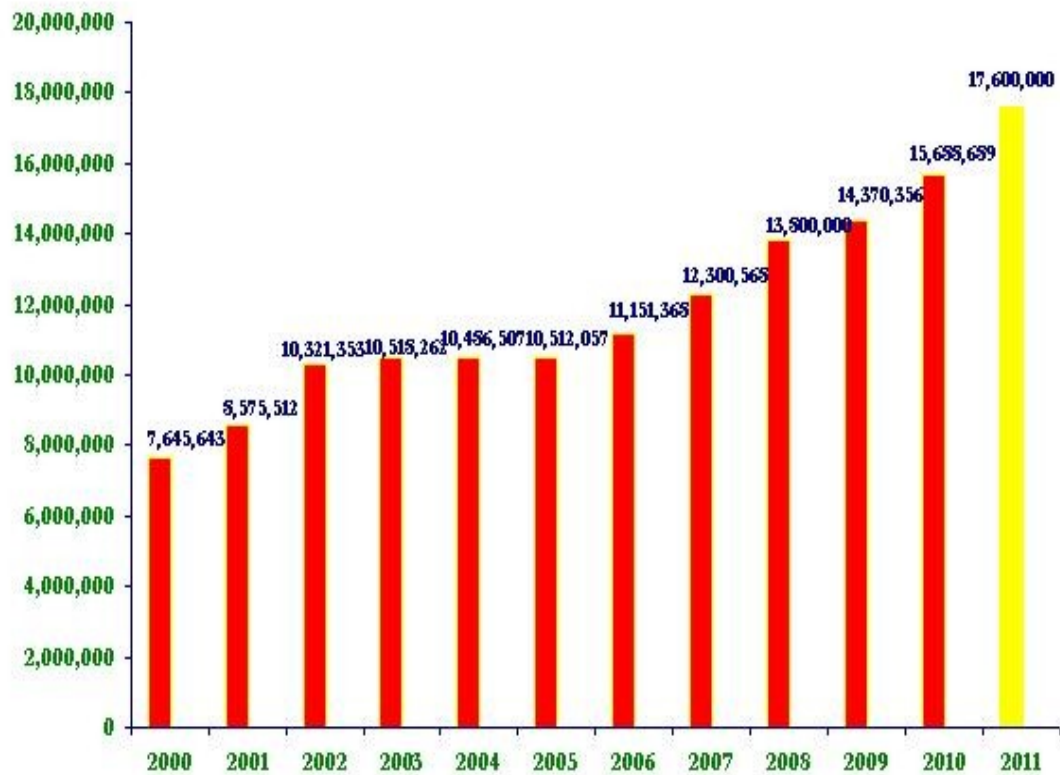
1.7 Một số khách hàng thường xuyên của Cảng Hải Phòng

STT	Tên	Địa chỉ
I Các hãng tàu - chủ hàng Container		
1	Cty TNHH Mearsk Việt Nam Ltd	28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP HCM
2	Vietracht Hải Phòng	35 Minh Khai, Hải Phòng
3	Đại lý Hàng hải Hải Phòng (Vosa)	25 Điện Biên Phủ, Hải Phòng
4	Công ty TNHH VTB Phương Hoàng	Tầng 2 số 27 Nguyễn Trung Trực - Q1 - TP. HCM
6	Chi nhánh Gemadept Hải Phòng	282 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
7	Công ty Cổ phần vận tải Vinafco	Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
8	Công ty Vận tải Biển Đông	Số 1 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
9	Chi nhánh Cty Lâm Yến Thanh tại Hải Phòng	66, Trần Khánh Dư, Hải Phòng
10	Chi nhánh Công ty SAFI tại Hải Phòng	Số 22 Lý tự trọng - Hải Phòn
5	Chi nhánh Công ty INLACO Sài Gòn tại HP	Toà nhà Thành Đạt - Số 3 Lê Thánh Tông - Hải Phòng

Chương 2: Năng lực hoạt động của Cảng Hải Phòng

2.1 Tổng quan về năng lực Cảng Hải Phòng

Thống kê hàng hóa qua Cảng



- Lượng hàng qua cảng nhìn chung là tăng qua các năm
 - + Năm 2001 lượng hàng qua cảng tăng 12.16% so với năm 2000 và năm 2002 lượng hàng qua cảng tăng 20.35%
 - + Từ năm 2002 đến năm 2005 nhìn chung lượng hàng không có sự biến động nhiều
 - + Từ năm 2005 đến năm 2011 liên tục tăng qua các năm. Tăng nhiều nhất là giai đoạn 2007-2008 và 2010-2011 đều 12.18%

Thống kê sản lượng Container



Nh
ìn
chu
ng
số
lư
ợn
g
Co
nta
ine
r
qua
Cả
ng
liê
n
tục
tăn
g
từ
nă

m
20
00
đế
n
nă
m
201
1

L
ượ
ng
Co
nta
ine
r
qua
Cả
ng
tần
g
cao
nă
m
20
07
so
với
nă
m
20
06
tần
g
47.
37
%

- Ngày 09/7/2012 Cảng Hải Phòng tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012. Dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và các ban nghiệp vụ, ban lãnh đạo Cảng Hải Phòng và các đơn vị phòng ban trong toàn cảng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2012, do suy thoái kinh tế một số mặt hàng chính như container, sắt thép, thức ăn gia súc... tiếp tục giảm. Các hãng tàu container cắt giảm chuyển và lượng hàng mỗi chuyến giảm trung bình là 20%.

- Với các biện pháp tích cực Cảng Hải Phòng đã chỉ đạo, điều hành sản xuất, quản lý, tổ chức, sắp xếp lại lao động, tăng cường tính chủ động, phát huy và nâng cao năng lực cạnh tranh, cán bộ công nhân toàn Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2012 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Tổng sản lượng hàng hoá thực hiện được 9.488.000 tấn đạt 50,5 % kế hoạch năm (18,8 triệu tấn), tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2011 (9.488/8.855). Trong đó:

+ Xuất khẩu: 2.039.000 tấn, tăng 7,8 % so với cùng kỳ năm 2011 (1.892.000 tấn).

+ Nhập khẩu: 4.308.000 tấn, tăng 5,1 % so với cùng kỳ năm 2011 (4.099.000 tấn).

+ Nội địa : 3.141.000 tấn, tăng 9,7 % so với cùng kỳ năm 2011 (2.864.000 tấn).

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản đạt kế hoạch đề ra, doanh thu đã đạt 52,2% kế hoạch năm tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2011 đã tạo tiền đề quan trọng cho việc phấn đấu hoàn thành vượt mức mục tiêu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao: sản lượng trên 18,8 triệu tấn, doanh thu trên 1.280 tỷ đồng, lợi nhuận 70 tỷ đồng. Công tác khai thác, cảng đã có những chuyển biến tích cực, đã có nhiều biện pháp, giải pháp cụ thể nhằm tổ chức sản xuất linh hoạt, giảm chi phí, tăng năng suất lao động, giải phóng tàu nhanh, an toàn cho hàng hoá và phương tiện, khai thác có hiệu quả phương tiện thiết bị hiện có. Tình hình trật tự trị an được giữ vững, công tác an toàn lao động thực hiện tốt. Đời sống CBCNV ổn định

2.2 **Khả năng khai thác của cầu tàu**

2.2.1 **Hệ thống cầu tàu**

- Các khu vực của Cảng Hải Phòng được phân bố theo lợi thế về cơ sở hạ tầng, giao thông, đường sắt - đường bộ - đường thủy và được lắp đặt các

thiết bị xếp dỡ phù hợp với từng loại hàng hoá, đáp ứng và thoả mãn nhu cầu vận chuyển bằng nhiều phương tiện.

- Toàn cảng hiện có 21 cầu tàu với tổng chiều dài là 3.567m, bảo đảm an toàn với độ sâu trước bến từ -8,4m đến -8,7m.

CẢNG/KHU CHUYỂN TẢI	DÀI	ĐỘ SÂU	SỐ LƯỢNG	LOẠI HÀNG
<u>Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu</u>	1.717 m	- 8.4m	11 cầu	Bách hoá, rời, bao, Container
<u>Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ</u>	848 m	- 8.5m	5 cầu	Bách hoá, Container
<u>Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng</u>	1.002 m	- 8.7m	5 cầu	Bách hoá, Container

2.2.2 Định mức xếp dỡ hàng hóa

Đơn vị: Tấn

TT	Nhóm hàng	Loại tàu có GRT < 5000 T		Loại tàu có GRT > 5000 và < 13000T		Loại tàu có GRT > 13000T					
		Hàng nhập		Hàng nhập	Hàng xuất	Hàng nhập	Hàng xuất				
		Hàng nhập	Hàng xuất	Trong cầu	Vùng nước	Trong cầu	Vùng nước	Trong cầu	Vùng nước	Trong cầu	Vùng nước
1	Hàng rời	1300-2000	1200-3500	1500-3000	2000-4500	3300	3000	1500-4000	2000-5000	-	-
2	Hàng bao, bịch	1200-2000	1200-2000	1500-3000	1500-4000	1500-3000	2000-4000	2000-5000	2500-6000	1800-5000	2500-6000
3	Sắt thép	2000-2500	1200	2500-3000	3000-3500	-	-	3000-4000	4000	-	-
4	Hàng thùng	1000	1000	1200	-	1200	-	-	-	-	-
5	Hàng bách hoá	1000	800-1000	1000-1200	1000-1200	1200	1200	-	-	-	-
6	Các loại xe lăn bánh (C/ngày/ tàu)	100	50	120-500	-	100-500	-	-	-	-	-
7	Container										
	Tàu < 500 TEU	500 container/ngày – tàu									
	Tàu 500 TEU	800 container/ngày – tàu									



2.2.3 Năng lực tiếp nhận tàu

✚ Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu:

- Tổng số 11 cầu với tổng chiều dài 1.717m
- Khu vực xếp dỡ hàng container: Cầu 1,2,3
- Khu vực hàng bách hóa tổng hợp: từ cầu 4 đến cầu 11
- Bốc xếp đồng thời được 11 tàu với năng lực thông qua 6.000.000 tấn/năm.

✚ Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ:

- Tổng số 5 cầu với tổng chiều dài 848 m
- Bốc xếp đồng thời được 5 tàu với năng lực thông qua 550.000 TEU/năm.

✚ Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng:

- Tổng số 5 cầu với tổng chiều dài 1.002 m
- Bốc xếp đồng thời được 5 tàu

✚ Bến phao Bạch Đằng:

- Số lượng bến phao: 3 phao.

- Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được: 7.000 DWT

🚢 Khu chuyển tải Lan Hạ

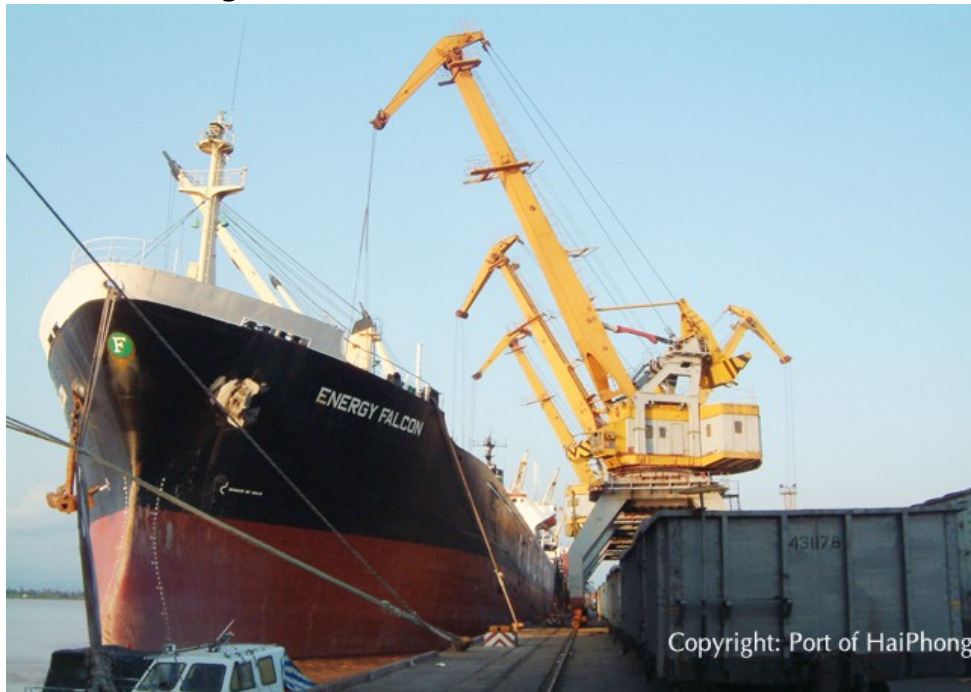
- Số lượng điểm neo: 3 điểm.
- Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được: 40.000 DWT

🚢 Khu chuyển tải Hạ Long - Hòn Gai:

- Số lượng điểm neo: 7 điểm.
- Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được: 30.000 DWT

🚢 Khu chuyển tải Bến Gót

- Số lượng điểm neo: 2 điểm.



- Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được: 15.000 DWT

2.3 Khả năng và công suất của bến bãi

- Hệ thống kho bãi Cảng Hải Phòng xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng cao, được chia theo từng khu vực chuyên dùng phù hợp với điều kiện bảo quản, xếp dỡ, vận chuyển từng loại hàng hoá

Loại kho/bãi	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Kho CFS	2	6.498	Phục vụ khai thác hàng lẻ Container
Kho hàng bách hoá	10	30.052	Các loại hàng hoá
Bãi Container	3	343.565	
Bãi hàng bách hoá	20	141.455	

Một số hình ảnh của bến bãi Cảng Hải Phòng

Tailieu.vn

